

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Trường Tam;
- Ông Nguyễn Minh Chí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 tỉnh Tây Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23/6/2025, về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thụy Bảo Y, sinh năm: 1991, cư trú: 322/13, đường M, tổ dân phố B, khu phố C, phường M, thành phố Hồ Chí Minh; **(Chị Y có đơn xin vắng mặt)**

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm: 1984, cư trú: Ấp L, xã P, tỉnh Tây Ninh. (anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Y trình bày:

Chị Trần Thụy Bảo Y và anh Trần Văn P cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Về sau anh P không lo gia đình, con cái mà hay chơi game. Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát về kinh tế. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có giải pháp đoàn tụ. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị Y yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị Y và anh P có hai con chung Trần Chí D, sinh ngày 26/6/2012 và Trần Nhật H, sinh ngày 21/8/2014. Hiện hai cháu sống chung với chị Y từ thời điểm vợ chồng không còn sống chung tới nay. Cháu Trí D1 học ở trường trung học cơ sở H1, cháu Nhật H học ở trường tiểu học N2 Điều kiện sinh sống học tập của cháu ổn định. Nếu Tòa án cho ly hôn, chị Y yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung là Trần Chí D, sinh ngày 26/6/2012 và Trần Nhật H, sinh ngày 21/8/2014, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Trần Văn P đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Chị Y có văn bản xin giải quyết vắng mặt, anh P được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y và anh P

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 12/4/2012 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (cũ) cấp thì chị Trần Thụy Bảo Y và anh Trần Văn P là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Chị Y và anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (cũ). Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện, thời gian đầu anh chị sống chung hạnh phúc. Nguyên nhân chị Y xin ly hôn là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh P không chăm lo gia đình, cờ bạc, chơi game. Chị Y và anh P không có tiếng nói chung về mọi việc, cuộc sống không ổn định. Hiện tại, chị Y và anh P không còn sống chung từ năm 2021. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có giải pháp đoàn tụ. Quá trình giải quyết

vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải, nhưng chị Y, anh P không thể đoàn tụ được do anh P không đến. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Y, anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Y là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị Y, anh P có con chung là Trần Chí D, sinh ngày 26/6/2012 và Trần Nhật H, sinh ngày 21/8/2014. Nếu Tòa án cho ly hôn, chị Y mong muốn tiếp tục nuôi con chung, anh P không cấp dưỡng nuôi con. Anh P không có ý kiến về con chung. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao chị Y trực tiếp nuôi dưỡng Trần Trí D1 và Trần Nhật H. Việc giao hai con chung cho chị Y nuôi dưỡng phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng. Anh P vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y xác định không có. Anh P vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014567, ngày 13/6/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc) chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng Điều 8 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thụy Bảo Y đối với anh Trần Văn P.

1. *Về hôn nhân:* Chị Trần Thụy Bảo Y được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. *Về con chung:* Chị Trần Thụy Bảo Y trực tiếp dưỡng con chung là Trần Chí D, sinh ngày 26/6/2012 và Trần Nhật H, sinh ngày 21/8/2014. Anh P không cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. *Về án phí*: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014567, ngày 13/6/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc) chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7, tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS huyện C;
- UBND xã đăng ký kết hôn
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tuyết N1n Thị Kim Cương Nguyễn Thị Thanh V

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Phước Lại;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Lâm

